

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 06/2020/HSST**

**Ngày: 14/02/2020**

**NHÂN DANH**  
**NUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Quốc Thái Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Ngọc Thơm - Ông Phan Vũ Anh Kiệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Yến Nhi - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

**PHAN QUỐC T** (*Tên gọi khác: Năm*); Sinh năm: 1986; Nơi sinh: Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Nông; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Phan Quốc N, sinh năm 1954 và bà: Trần Thị T, sinh năm 1958; Vợ, con: Chưa có; Tiền án - tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/9/2007, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Hủy hoại tài sản” (Bản án số 71/2007/HSST); bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo hiện tại ngoại theo lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L (có mặt).

**\* Bị hại:** Bà **Nguyễn Thị Ánh H**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình An 1, xã B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/09/2019, sau khi mượn được xe mô tô hiệu Wave RSX (không rõ biển số) từ Nguyễn Rạng Đ, Phan Quốc T điều khiển xe đến nhà bà Nguyễn Thị Ánh H, tại thôn Bình An 1, xã B, thị xã L (con trai bà

Hồng là bạn T), T dựng xe trước cổng, trèo qua hàng rào vào nhà, khi đi tới cửa bên hông nhà (lúc này cửa khép nhưng không khóa), T đi thẳng vào trong phòng ngủ của bà Hồng thì phát hiện 01 chiếc điện thoại hiệu Samsung A70, màu xanh - đen để trên giường nơi bà H nằm nên lấy bỏ vào túi quần, T tiếp tục lấy 02 chiếc giỏ xách treo trên tường rồi theo lối cũ ra ngoài lấy xe tẩu thoát, thì bị bà Hồng phát hiện, truy hô. Sau khi chạy được một đoạn, đến đoạn đường có đèn chiếu sáng thuộc khu vực thôn Tân Lý 1, T dừng lại mở 02 chiếc giỏ xách ra kiểm tra, thấy bên trong chiếc giỏ màu đen có 700.000 đồng và một số mỹ phẩm; bên trong chiếc giỏ màu hồng chỉ có một số mỹ phẩm, T lấy số tiền 700.000 đồng bỏ vào túi quần rồi ném 02 chiếc giỏ cùng số mỹ phẩm trong giỏ vào bụi cây ven đường, sau đó điều khiển xe chạy về nhà. Khoảng 07 giờ cùng ngày, T đến nhà Đông trả xe nhưng không gặp Đông nên để xe lại đây rồi ra về. Số tài sản lấy trộm tại nhà bà Hồng gồm số tiền 700.000 đồng T đã dùng tiêu xài cá nhân, chiếc điện thoại di động T đem cất giấu dưới nệm trong phòng ngủ của mình. Do nghi ngờ T là người đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản, bà H đã trình báo Công an thị xã L, Công an mời lên làm việc Phan Quốc T đã khai nhận T bộ hành vi trộm cắp nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số 78/KL-ĐGTS ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, xác định: 01 điện thoại Samsung A70, 128G, số máy SM-A705F/DS, seri R58M533D4RF, màu xanh đen, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là **5.500.000** đồng.

Tại bản kết luận định giá số 87/KL-ĐGTS ngày 24/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định: 01 chiếc giỏ xách màu hồng, đã qua sử dụng, có giá 30.000 đồng; 01 cây son Velvet, đã qua sử dụng, có giá: 30.000 đồng; 01 cây son Lip Gloss, đã qua sử dụng, có giá: 20.000 đồng; 01 cây son vỏ đen, đã qua sử dụng, có giá: 20.000 đồng; 01 vỏ chai nước hoa, đã hết, có giá: 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá: **100.000 đồng**.

Tại công văn số 96/KH-ĐGTS ngày 11/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L phúc đáp yêu cầu định giá tài sản đối với tài sản là chiếc giỏ xách màu đen T lấy trộm của bà Hồng, không thu hồi được, xác định: Do không rõ nhãn hiệu, không có tài sản và các giấy tờ liên quan nên không có cơ sở để xác định giá trị đối với tài sản này.

**Vật chứng vụ án:** Gồm số tiền 700.000 đồng, 01 điện thoại Samsung Galaxy A70, màu xanh đen, 01 giỏ xách màu hồng có dây đeo, 01 số mỹ phẩm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Ánh H. Riêng 01 giỏ xách màu đen, có dây đeo, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Wave RSX (không rõ biển số), quá trình điều tra xác định xe thuộc sở hữu của anh Đặng Nguyễn A cho Nguyễn Rạng Đ mượn, việc Phan Quốc T dùng xe làm phương tiện phạm tội Đ và A không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi, xử lý.

**Về dân sự:** Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị Ánh H đã nhận lại tài sản cũng như số tiền 700.000 đồng do bị cáo bồi thường, bà Hồng không có yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm về dân sự.

***Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 07/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Phan Quốc T, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phan Quốc T như nội dung bản cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Quốc T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Phạt: Bị cáo Phan Quốc T, mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

- Bị cáo Phan Quốc T không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

- Bị cáo Phan Quốc T không nói lời nói sau cùng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

**[1]** Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]** Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Quốc T khai nhận: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/9/2019, bị cáo đã có hành vi đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị Ánh H tại thôn Bình An 1, xã B, thị xã L, lén lút lấy trộm một số tài sản, gồm: 01 điện thoại di động; 01 giỏ xách màu đen bên trong có số tiền 700.000 đồng; 01 giỏ xách màu hồng cùng 01 số mỹ phẩm, có tổng giá trị là **6.300.000** đồng của bà H, đang để trong phòng ngủ. Số tiền chiếm đoạt được bị cáo tiêu xài hết, còn các tài sản khác, bị cáo cất giấu và vứt bỏ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Quốc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Phan Quốc T về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn T có căn cứ, đúng pháp luật.

**[3]** Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng do thiếu ý thức tuân thủ pháp luật, lười lao động, mong muốn có tiền để tiêu xài mà không phải lao động vất vả, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, lén lút đột nhập vào nhà, lấy trộm tài sản nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, gây mất an T trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương. Hơn nữa, bị cáo còn có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Hủy hoại tài sản” (Bản án 71/2007/HSST ngày 11/9/2007), mặc dù đã được xóa án tích theo luật định, thế nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân, sống lương thiện, mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

**[4]** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không có.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn; đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, tài sản phần lớn đã thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**[5]** Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**[6]** Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã L đã giải quyết xong về vật chứng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[7]** Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Ánh H đã nhận lại tài sản cũng như số tiền 700.000 đồng do bị cáo bồi thường. Quá trình điều tra và căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt, bà Hồng không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[8]** Về án phí: Bị cáo Phan Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[9]** Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1]** Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên bố:** Bị cáo Phan Quốc T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

**Xử phạt:** Bị cáo Phan Quốc T **12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**[2] Về án phí:** Bị cáo Phan Quốc T phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**[3] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.*

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Từ Quốc Thái Bình**